

Số: 700/QĐ-UBND

TP. Cà Mau, ngày 22 tháng 11 năm 2012

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu  
Khu dân cư đường Vành đai số 1, 2 thuộc phường 9, phường  
Tân Xuyên thành phố Cà Mau

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 5 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/08/2010 của Bộ xây dựng về Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Công văn số 5430/UBND-XD ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, về việc điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu dân cư đường Vành đai số 1, 2 thuộc phường 9, phường Tân Xuyên thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 449/UBND-XD ngày 25/8/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau, về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu dân cư tuyến Vành đai số 1, Vành đai số 2 phường 9, phường Tân Xuyên thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/2000;

Biên bản số 15/BB-HĐKTQH ngày 13/6/2012 của Hội đồng Kiến trúc – Quy hoạch thành phố Cà Mau về thẩm định đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu dân cư tuyến Vành đai 1, Vành đai 2 phường 9, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/2000 và Biên bản ngày 03/4/2012 về việc thông qua cộng đồng dân cư về đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu dân cư tuyến Vành đai 1, Vành đai 2 phường 9, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau;

Xét Tờ trình số 105/TTr-BQL ngày 18/9/2012 của Ban Quản lý dự án Khu đô thị Đông Bắc – Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu dân cư tuyến Vành đai 1, Vành đai 2 phường 9 và phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/2000;

Xét Báo cáo thẩm định số 13/BCTĐ-QLĐT ngày 31/10/2012 của Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố về việc thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch



phân khu Khu dân cư tuyến Vành đai 1, Vành đai 2 phường 9 và phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/2000;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu dân cư tuyến Vành đai 1, 2 phường 9, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/2000; với các nội dung chính như sau:

### 1. Vị trí, quy mô giới hạn và phạm vi quy hoạch:

*a) Vị trí:* Khu vực quy hoạch thuộc phường 9 và phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, vị trí và ranh giới khu đất như sau:

Phía Đông giáp: Kênh Mới;

Phía Tây giáp: Khu dân cư Công ty cổ phần Minh Thắng và Khu đô thị mới LiCOGI 9.1;

Phía Nam giáp: Đường Nguyễn Trãi;

Phía Bắc giáp: Kênh Thống Nhất và đất nông nghiệp.

*b) Quy mô:* Tổng diện tích khu đất quy hoạch là 516,34ha (diện tích phường 9 là 486,34ha, diện tích thuộc phường Tân Xuyên là 30,0ha).

**2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** Ban Quản lý dự án Khu cửa ngõ Đông Bắc – Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau.

**3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt.

### 4. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:

Thúc đẩy việc đầu tư hệ thống Hạ tầng kỹ thuật phát triển phù hợp với đồ án quy hoạch chung của thành phố Cà Mau đến năm 2025.

Đầu nối hệ thống hạ tầng để tạo sự phát triển đồng bộ giữa các khu vực thuộc thành phố Cà Mau.

Bổ sung những chức năng cần thiết để góp phần phát triển đô thị bền vững.

Giải quyết vấn đề nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư cho các dự án lớn trên địa bàn thành phố Cà Mau, góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội.

Tạo sự phát triển đồng bộ trong quản lý và xây dựng đô thị, từng bước hoàn thiện đô thị loại II và phát triển lên đô thị loại I vào năm 2015.

Tạo nền tảng thu hút các dự án đầu tư, góp phần đưa thành phố Cà Mau thành đô thị hiện đại, là trung tâm kinh tế lớn của tỉnh.

**5. Dự báo quy mô dân số:** Quy mô dân số dự báo trong khu vực quy hoạch là: 87.500 ÷ 99.000 người tương ứng với tiêu chuẩn sử dụng đất 54 – 61 m<sup>2</sup>/người.



**6. Tính chất của khu vực quy hoạch:** Là khu dân cư với đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh.

### **7. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất**

#### *7.1. Các khu chức năng trong khu quy hoạch*

a) Khu trung tâm khu vực: Trung tâm khu vực tập trung các công trình công cộng, được giới hạn bởi tuyến đường Tạ Uyên, đường Mậu Thân và đường trục chính từ Trung tâm hành chính tỉnh cắt ngang đường Tạ Uyên, đường Mậu Thân;

b) Các cơ sở Giáo dục chuyên nghiệp: Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Trường Trung cấp nghề, Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật, Trường huấn luyện Cán bộ cảnh sát ngành Công an ..v.v..

c) Khu công viên cây xanh: Gồm có hai khu công viên cây xanh phía Bắc và phía Nam tuyến đường Mậu Thân.

d) Các khu nhà ở: Khu nhà ở theo hiện trạng, khu nhà ở quy hoạch mới, khu nhà ở xã hội

#### *7.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:*

<b>TT</b>	<b>Thành phần đất đai</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Đất cơ quan Nhà nước	19,81	3,84
2	Đất công trình dịch vụ, thương mại	13,13	2,54
3	Đất công trình Giáo dục	40,73	7,89
4	Đất khu dân cư	260,42	50,47
	<i>Đất nhà ở xã hội</i>	<i>47,55</i>	<i>18.26% / diện tích đất ở</i>
5	Đất cây xanh	48,06	9,31
6	Đất khác	13,17	2,55
7	Đất giao thông	121,02	23,39
	<b>Tổng cộng</b>	<b>516,34</b>	<b>100</b>

#### *7.3. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:*

a) Đối với các trục đường cảnh quan, trục chính khu vực: Tổ chức cảnh quan trên trục giao thông bằng màu sắc gạch lát vỉa hè, cây xanh đô thị trồng trên vỉa hè, hệ thống đèn chiếu sáng.

b) Đối với các khu công viên, cây xanh: Quy hoạch các khu công viên cây xanh với các công trình phục vụ và cảnh quan phù hợp.

c) Các điểm nhấn của đô thị: Các công trình dịch vụ nằm ở những vị trí giao lộ quan trọng với kiến trúc được thiết kế hình khối và chiều cao phù hợp tạo điểm nhấn về tổ chức không gian cảnh quan.



7.4. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình trên từng ô phố:

a) Khu nhà ở dạng phố: Được bố trí ở các trục đường trung tâm, các tuyến đường chính trong đô thị với chiều ngang mỗi lô từ 4,0m-4,5m, chiều dài mỗi lô từ 25,0m – 30,0m, chiều cao trung bình 3 tầng, mật độ xây dựng 70-80%, hệ số sử dụng đất là 2,1÷2,4.

b) Khu nhà ở dạng chung cư: Được bố trí ở các trục đường chính gần các khu công viên cây xanh kết hợp hài hoà giữa không gian khu chung cư và khu công viên cây xanh, với mật độ xây dựng là 50÷60%, tầng cao trung bình 5, hệ số sử dụng đất là 2,5÷3.

c) Khu nhà ở dạng biệt thự: Tập trung ở các trục đường nhánh, nhà ở kết hợp với sân vườn, với mật độ xây dựng thấp từ 40÷50%, tầng cao trung bình là 2,5, hệ số sử dụng đất là 1÷1,25.

d) Đất xây dựng công trình giáo dục: Mật độ xây dựng 35÷40% tầng cao 2÷3 tầng hệ số sử dụng đất: 0,7÷1,20.

đ) Đất công trình công cộng, dịch vụ thương mại: Mật độ xây dựng 35÷45% tầng cao 1÷5 tầng hệ số sử dụng đất: 0,35÷2,25.

e) Đất trụ sở cơ quan: Mật độ xây dựng 30÷40% tầng cao 2÷3 tầng hệ số sử dụng đất: 0,60÷1,20.

f) Bãi đỗ xe: Mật độ xây dựng 20÷25% tầng cao 1÷2 tầng hệ số sử dụng đất: 0,20÷0,50.

g) Công viên cây xanh: Mật độ xây dựng 5÷15% tầng cao 1 tầng hệ số sử dụng đất: 0,05÷0,15.

## 8. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường khu vực. Nội dung cụ thể như sau:

### 8.1. Quy hoạch giao thông đô thị

Quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ tuân thủ theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đến năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vào năm 2008 và Quy chuẩn, quy phạm hiện hành.

TT	TÊN ĐƯỜNG	MẶT CÁT	CHIỀU DÀI (m)	CHIỀU RỘNG (m)		
				Lộ giới	Mặt đường	Via hè
1	NGUYỄN TRÃI (QL 63)	1-1	1066	30	8x2	6x2
2	NGUYỄN TRÃI (QL 63)	2-2	833	40	11,5x2	7x2
3	NGUYỄN TRÃI (QL 63)	3-3	699	52	12,5x2	12x2
4	TẠ UYÊN (VĐ-1)	1-1	1794	30	8x2	6x2



5	MẬU THÂN	2-2	2527	40	11,5x2	7x2
6	TRẦN QUANG DIỆU	4-4	1175	22.5	11,5x2	7x2
7	TRƯƠNG ĐỊNH	8-8	110	17	8	4.5x2
8	NGÔ THỜI NHIỆM	7-7	691	18	8	5x2
9	NGUYỄN HỮU NGHĨA	7-7	962	18	8	5x2
10	ĐOÀN GIỎI	10-10	155	12	6	3x2
11	ĐƯỜNG KÊNH MỚI	7-7	962	18	8	5x2
12	ĐƯỜNG SỐ 1	4-4	985	25	14	5.5x2
	ĐƯỜNG SỐ 1	6-6	1099	20	8	6x2
13	ĐƯỜNG SỐ 2	6-6	664	20	8	6x2
14	ĐƯỜNG SỐ 3	7-7	1898	18	8	5x2
15	ĐƯỜNG SỐ 4	11-11	1024	32.8	6x2	3x2
16	ĐƯỜNG SỐ 5	6-6	778	20	8	6x2
17	ĐƯỜNG SỐ 6	8-8	1514	17	8	4.5x2
18	ĐƯỜNG SỐ 7	8-8	2451	17	8	4.5x2
19	ĐƯỜNG SỐ 8	10-10	702	12	6	3x2
20	ĐƯỜNG SỐ 9	7-7	1587	18	8	5x2
21	ĐƯỜNG SỐ 10	10-10	817	12	6	3x2
22	ĐƯỜNG SỐ 11	10-10	420	12	6	3x2
23	ĐƯỜNG SỐ 12	9-9	1 693	16	8	4x2
24	ĐƯỜNG SỐ 13	10-10	1312	12	6	3x2
25	ĐƯỜNG SỐ 14	9-9	698	16	8	4x2
26	ĐƯỜNG SỐ 15	9-9	696	16	8	4x2
27	ĐƯỜNG SỐ 16	10-10	524	12	6	3x2
28	ĐƯỜNG SỐ 17	1-1	2018	30	8x2	6x2
29	ĐƯỜNG SỐ 18	9-9	520	16	8	4x2
30	ĐƯỜNG SỐ 19	6-6	778	20	8	6x2
31	ĐƯỜNG SỐ 20	9-9	631	16	8	4x2
32	ĐƯỜNG SỐ 21	10-10	726	12	6	3x2
33	ĐƯỜNG SỐ 22	9-9	1587	16	8	4x2
34	ĐƯỜNG SỐ 23	7-7	1200	18	8	5x2
35	ĐƯỜNG SỐ 24	10-10	486	12	6	3x2
36	ĐƯỜNG SỐ 25	6-6	1396	20	8	6x2
37	ĐƯỜNG SỐ 26	7-7	299	18	8	5x2
38	ĐƯỜNG SỐ 27	1-1	499	30	8x2	6x2
39	ĐƯỜNG SỐ 28	7-7	252	18	8	5x2
40	ĐƯỜNG SỐ 29	10-10	216	12	6	3x2
41	ĐƯỜNG SỐ 30	10-10	148	12	6	3x2
42	ĐƯỜNG SỐ 31	10-10	126	12	6	3x2



43	ĐƯỜNG SỐ 32	10-10	126	12	6	3x2
44	ĐƯỜNG SỐ 33	6-6	279	20	8	6x2
45	ĐƯỜNG SỐ 34	6-6	279	20	8	6x2
46	ĐƯỜNG SỐ 35	10-10	126	12	6	3x2
47	ĐƯỜNG SỐ 36	10-10	126	12	6	3x2
48	ĐƯỜNG SỐ 37	1-1	694	30	8x2	6x2
48	ĐƯỜNG SỐ 38	6-6	1410	20	8	6x2
49	ĐƯỜNG SỐ 39	6-6	688	20	8	6x2
50	ĐƯỜNG SỐ 40	1-1	1906	30	8x2	6x2
51	ĐƯỜNG SỐ 41	7-7	485	18	8	5x2
52	ĐƯỜNG SỐ 42	6-6	864	20	8	6x2
53	ĐƯỜNG SỐ 43	9-9	1507	16	8	4x2
54	ĐƯỜNG SỐ 44	10-10	655	12	6	3x2
55	ĐƯỜNG SỐ 45	6-6	409	20	8	6x2
56	ĐƯỜNG SỐ 46	1-1	231	30	8x2	6x2
57	ĐƯỜNG SỐ 47	9-9	503	16	8	4x2
58	ĐƯỜNG SỐ 48	7-7	799	18	8	5x2
59	ĐƯỜNG SỐ 49	12-12	338	21	11	5x2
60	ĐƯỜNG SỐ 50	10-10	191	12	6	3x2
61	ĐƯỜNG SỐ 51	10-10	190	12	6	3x2
62	ĐƯỜNG SỐ 52	10-10	190	12	6	3x2
63	ĐƯỜNG SỐ 53	10-10	190	12	6	3x2
64	ĐƯỜNG SỐ 54	6-6	523	20	8	6x2
65	ĐƯỜNG SỐ 55	7-7	886	18	8	5x2
66	ĐƯỜNG SỐ 56	10-10	331	12	6	3x2
67	ĐƯỜNG SỐ 57	10-10	282	12	6	3x2
68	ĐƯỜNG SỐ 58	7-7	453	18	8	5x2
	ĐƯỜNG SỐ 58	9-9	313	16	8	4x2
69	ĐƯỜNG SỐ 59	10-10	228	12	6	3x2
70	ĐƯỜNG SỐ 60	10-10	358	12	6	3x2
71	ĐƯỜNG SỐ 61	10-10	162	12	6	3x2
72	ĐƯỜNG SỐ 62	10-10	619	12	6	3x2
73	ĐƯỜNG SỐ 63	10-10	183	12	6	3x2
74	ĐƯỜNG SỐ 64	7-7	1152	18	8	5x2
75	ĐƯỜNG SỐ 65	7-7	543	18	8	5x2
76	ĐƯỜNG SỐ 66	7-7	281	18	8	5x2
77	ĐƯỜNG SỐ 67	7-7	270	18	8	5x2
78	ĐƯỜNG SỐ 68	7-7	996	18	8	5x2
79	ĐƯỜNG SỐ 69	10-10	154	12	6	3x2
80	ĐƯỜNG SỐ 70	10-10	381	12	6	3x2



Bãi đỗ xe: Tổng số có 5 bãi đỗ xe, với tổng diện tích là 5,95ha

### 8.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- *Cao độ san nền*: Quy hoạch độ cao xây dựng  $H_{xd} = + 1,50m$  hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu-Hải Phòng) phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Cà Mau. Khi toàn bộ khu vực chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu: Nước biển dâng, cao độ san nền nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

- *Mạng lưới thoát nước mưa*: Khu quy hoạch được chia làm 16 lưu vực thoát nước và thoát ra kênh Thống Nhất, Kênh Mới. Hệ thống thoát nước mưa dùng cống bê tông cốt thép đúc sẵn.

### 8.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước sạch:

a) Nguồn cung cấp nước: Theo quy hoạch hệ thống cấp nước thành phố Cà Mau đến năm 2025, trong khu quy hoạch bố trí thêm 01 giếng cấp nước có công suất  $100m^3/giờ = 2.400 m^3/ngày.đêm$

b) Tính toán lưu lượng cấp nước sinh hoạt:

- Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt  $q = 140$  lít/người/ngày.đêm, với 100% dân số được cấp nước.

- Nước cung cấp cho công trình công cộng: 10% tổng lưu lượng nước sinh hoạt.

- Nước cung cấp cho tưới cây xanh: 10% tổng lưu lượng nước sinh hoạt.

Dự kiến tổng công suất của hệ thống cấp nước khu vực quy hoạch là:  $23.500m^3/ngày.đêm$ .

c) Mạng lưới cấp nước là ống nhựa HDPE đạt tiêu chuẩn ISO 4427-2007(E).

d) Lưu lượng chữa cháy là 25 lít/s.

### 8.4. Quy hoạch thoát nước thải và quản lý chất thải rắn:

a) *Thoát nước thải*::

Lưu lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 80% tổng lượng nước sinh hoạt.

Thiết kế mạng lưới thoát nước theo định hướng phát triển hệ thống thoát nước của thành phố Cà Mau đến năm 2025; hệ thống thoát nước thải của khu vực tách riêng khỏi hệ thống thoát nước mưa.

Mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt: Được chia thành 8 lưu vực thoát nước dùng trạm bơm đưa về nhà máy xử lý nước thải tại phường Tân Xuyên. Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt là cống bê tông cốt thép đúc sẵn.

b) *Quản lý chất thải rắn*:

Chất thải rắn có khoảng  $46,8 \div 65,5$  tấn rác/ngày, rác thải được thu gom và chuyển về nhà máy xử lý rác tại phường Tân Xuyên.

### 8.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho khu vực phường 9 là tuyến trung thế 3 pha xuất phát từ trạm 110/22KV-20MVA-An Xuyên.



- Mạng lưới cấp điện gồm lưới trung thế 3 pha, lưới hạ thế 3 pha, trạm biến áp 3 pha 250KVA, thiết kế quy hoạch theo quy chuẩn và quy định của nhà nước về cấp điện.

- Phần chiếu sáng trên không: Dây dẫn dùng cáp nhôm vặn xoắn bọc 1KV-ABC2x16. Đèn đèn cao áp Sodium – 150W.

- Tuyến chiếu sáng ngầm: Dây dẫn CXV-1KV-3x25mm<sup>2</sup> được bảo vệ bằng ống xoắn chịu lực và chôn trực tiếp trong đất. Đèn cao áp Sodium – 150W.

### 9. Đánh giá tác động môi trường đô thị:

Đánh giá tác động trên 2 mặt tiêu cực và tích cực lên môi trường đô thị về: Chất lượng nước, chất lượng không khí, tiếng ồn trong xây dựng, an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng. Các biện pháp quản lý làm giảm thiểu ô nhiễm và sự biến đổi của môi trường trong từng giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, giai đoạn xây dựng các công trình, giai đoạn sử dụng công trình.

Theo từng giai đoạn thực hiện, chủ đầu tư sẽ có các giải pháp cụ thể; riêng giai đoạn đưa vào sử dụng từng khu dân cư, công trình công cộng phải có các biện pháp bảo vệ và tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường.

### 10. Hồ sơ sản phẩm thực hiện:

Nội dung cụ thể được quy định tại Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị.

### BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC SẢN PHẨM THỰC HIỆN

TT	Thành phần hồ sơ	Tỷ lệ bản đồ
01	Sơ đồ vị trí, ranh giới khu đất	1/2.000- 1/5.000
02	Bản đồ về hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng	1/500
03	Các bản đồ hiện trạng hệ thống HTKT	1/500
04	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
05	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan	
06	Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/500
07	Các bản đồ quy hoạch hệ thống HTKT và môi trường	1/500
	<i>a</i> Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng	1/500
	<i>b</i> Cấp nước	1/500
	<i>c</i> Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn	1/500
	<i>d</i> Cấp điện và chiếu sáng công cộng	1/500
08	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500
09	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/500
10	Thuyết minh, các văn bản pháp lý, tờ trình phê duyệt	
	<i>a</i> Thuyết minh (kèm theo bảng biểu và các bản vẽ khổ A3)	
	<i>b</i> Tờ trình xin phê duyệt, các văn bản pháp lý có liên quan	



c	Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (bổ sung)	
11	Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết	
12	Đĩa CD lưu trữ	

**Điều 2.** Trên cơ sở đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu được phê duyệt, Chủ đầu tư phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai công bố đồ án quy hoạch theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố, Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Phòng Quản lý đô thị;
- LDVP (Thanh, Vũ Em);
- Lưu: VT, CVĐT (Sử).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Chung Cấn Hải*